

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện
Nậm Pông tại xã Quý Châu và xã Hùng Chân, tỉnh Nghệ An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30/11/2024;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 183/TTr-SCT ngày 15/9/2025 và Công văn số 3317/SCT-QLNL ngày 23/10/2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Nậm Pông tại xã Quý Châu và xã Hùng Chân, tỉnh Nghệ An do Sở Công Thương thẩm định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty CP Tập đoàn Za Hưng (đơn vị đề xuất) và Sở Công Thương (cơ quan thẩm định, tham mưu) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh về tính hợp pháp, chính xác của các thông tin, số liệu, đề xuất, thẩm định, tham mưu tại văn bản và hồ sơ thẩm định nêu trên.

2. Chủ đầu tư - Công ty CP Tập đoàn Za Hưng có trách nhiệm: Vận hành hồ chứa thủy điện Nậm Pông tuân thủ nghiêm Quy trình vận hành được phê duyệt và các quy định khác liên quan; trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát hiện những nội dung không phù hợp, kịp thời báo cáo Sở Công Thương để được hướng dẫn, xử lý nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình và vùng hạ du sau đập.

3. Sở Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, rà soát việc thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Nậm Pông và thực hiện công tác quản lý nhà nước về thủy điện để đảm bảo tuyệt đối an toàn cho công trình, vùng hạ du sau đập theo đúng quy định.

- Kịp thời rà soát, tham mưu đề xuất thực hiện những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của UBND tỉnh theo đúng quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 5014/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các xã: Quỳnh Châu và Hùng Chân; Công ty CP Tập đoàn Za Hưng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./. 

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Công Thương, Xây dựng
Nông nghiệp & Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NN, CN (TP, T.Tr).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thành Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ZA HÙNG
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẬM PÔNG

QUY TRÌNH VẬN HÀNH
HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

Tên công trình; Thủy điện Nậm Pông

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ZA HÙNG



Hoàng Văn Bình

Nghệ An, tháng năm 2025

QUY TRÌNH
VẬN HÀNH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN NẬM PÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Nghệ An)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy trình này quy định về vận hành an toàn hồ chứa thủy điện Nậm Pông trong mùa lũ, mùa kiệt.

b) Thay thế Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Nậm Pông đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 5014/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Chủ đập, hồ chứa: Công ty Cổ phần Tập đoàn Za Hưng.

b) Tổ chức khai thác đập, hồ chứa: Nhà máy thủy điện Nậm Pông.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vận hành, điều tiết và các hoạt động khác có liên quan đến Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Nậm Pông.

d) Các cơ quan, đơn vị liên quan để báo cáo, chỉ đạo.

Điều 2. Cơ sở pháp lý để xây dựng Quy trình

Mọi hoạt động liên quan đến việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy điện Nậm Pông phải tuân thủ:

1. Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội.

2. Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

3. Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội.

4. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội.

5. Luật phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

6. Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội.

7. Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội.

8. Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.

9. Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

10. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

11. Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.

12. Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

13. Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đê điều.

14. Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

15. Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

16. Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

17. Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự.

18. Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng.

19. Thông tư số 30/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng, thủy văn chuyên dùng.

20. Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

21. Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

22. Thông tư số 22/2022/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn.

23. Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Nghệ An về quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

24. Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 13/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Cả.

25. Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước.

26. Quyết định số 5014/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Nậm Pông.

27. Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

28. Giấy phép khai thác nước mặt số 418/GP-BTNMT ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Za Hưng.

29. Các văn bản pháp luật và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành khác có liên quan.

Điều 3. Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình

1. Tên công trình: Công trình thủy điện Nậm Pông.
2. Địa điểm xây dựng: Xã Hùng Chân và xã Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.
3. Cấp công trình: Công trình có cấp thiết kế cấp III theo TCXD VN 285: 2002.
4. Thông số kỹ thuật chính công trình thủy điện Nậm Pông:

a) Mực nước dâng bình thường (MNDBT):	258 m
b) Mực nước chết (MNC):	256 m
c) Dung tích toàn bộ:	1,67 triệu m ³
d) Dung tích hữu ích:	0,57 triệu m ³

Các thông số khác được trình bày tại Phụ lục I kèm theo Quy trình này.

Điều 4. Nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên và nguyên tắc vận hành công trình

Quy trình này áp dụng cho công tác vận hành hồ chứa thủy điện Nậm Pông nhằm đảm bảo các yêu cầu nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Vận hành trong mùa lũ:

a) Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình đầu mối thủy điện Nậm Pông, chủ động đề phòng mọi bất trắc, với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 500 năm; không được để mực nước hồ Nậm Pông vượt mực nước lũ kiểm tra ở cao trình 266,15 m.

b) Góp phần giảm lũ cho hạ du.

c) Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ở hạ du và dòng chảy tối thiểu trên sông.

d) Đảm bảo hiệu quả phát điện, cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

2. Vận hành trong mùa kiệt:

a) Đảm bảo an toàn công trình.

b) Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ở hạ du và dòng chảy tối thiểu trên sông.

c) Đảm bảo hiệu quả phát điện, cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Điều 5. Phân loại lũ và thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt

1. Quy định về phân loại lũ đối với hồ chứa thủy điện Nậm Pông:

a) Lũ nhỏ và vừa: Lưu lượng đỉnh lũ đến $73,3 \text{ m}^3/\text{s}$;

b) Lũ lớn: Lưu lượng đỉnh lũ lớn hơn $73,3 \text{ m}^3/\text{s}$ đến $2198 \text{ m}^3/\text{s}$;

c) Lũ đặc biệt lớn: Lưu lượng đỉnh lũ lớn hơn $2198 \text{ m}^3/\text{s}$;

d) Lũ bất thường: là lũ xuất hiện trước hoặc sau mùa lũ quy định tại khoản 2 Điều này hoặc lũ được hình thành do mưa lớn xảy ra trong phạm vi nhỏ, hồ chứa xả cát, do vỡ đập.

2. Quy định về thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt:

a) Mùa lũ: Từ 01 tháng 7 đến 30 tháng 11.

b) Mùa kiệt: Từ 01 tháng 12 đến 30 tháng 6 năm sau.

Điều 6. Trình tự, phương thức vận hành công xả cát

1. Cổng xả cát được vận hành để xả bùn, cát trong hồ khi cần thiết và hạ thấp mức nước hồ trong trường hợp sửa chữa hoặc sự cố.

2. Trình tự vận hành công xả để xả bùn, cát:

a) Mở cổng xả cát khi lũ đã đạt đỉnh, lưu lượng về hồ có xu hướng giảm.

b) Đóng hoàn toàn cổng xả cát trước khi mực nước hồ hạ xuống dưới mực nước dâng bình thường (258 m).

3. Trong trường hợp sự cố, bảo dưỡng, sửa chữa công trình, được phép tháo nước hạ thấp mực nước hồ xuống dưới mực nước dâng bình thường (258 m) qua cổng xả cát. Việc tháo nước phải bảo đảm an toàn công trình và an toàn hạ du.

Điều 7. Quan trắc, cung cấp thông tin quan trắc khí tượng thủy văn

1. Chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm bảo đảm kinh phí thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho công trình đập, hồ chứa thủy điện.

2. Đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện phải thu thập tin dự báo, quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn.

3. Nội dung quan trắc: quan trắc lượng mưa trên lưu vực, mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả.

4. Chế độ quan trắc: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ khi mực nước hồ thấp hơn ngưỡng tràn tự do 258 m; 01 giờ một lần khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn tự do 258 m; 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế 264,76 m.

5. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu:

Đơn vị quản lý vận hành công trình có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu quan trắc, tính toán khí tượng thủy văn cho Sở Công Thương tỉnh Nghệ An; Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An; Đài khí tượng thủy văn tỉnh Nghệ An; Ủy ban nhân dân xã Hùng Chân, Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Châu, Ủy ban nhân dân xã Châu Tiến, tỉnh Nghệ An và các đơn vị có liên quan theo quy định.

6. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu.

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị được thực hiện theo một trong các hình thức sau: Gửi trực tiếp, bằng fax, bằng mạng vi tính, qua điện thoại, bằng máy thông tin vô tuyến điện hoặc các hình thức khác.

Điều 8. Phối hợp vận hành giữa chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện và chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước khác trên cùng lưu vực sông và các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan trong công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện

Chủ sở hữu công trình có trách nhiệm phối hợp với các chủ đập, cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị liên quan trong quá trình vận hành, thường xuyên cung cấp, trao đổi và cập nhật kịp thời thông tin; đồng thời phối hợp ứng phó khi xảy ra sự cố hoặc tình huống khẩn cấp, bảo đảm an toàn công trình, an toàn hạ du và hiệu quả khai thác.

Điều 9. Cảnh báo trước, trong quá trình vận hành xả lũ và vận hành phát điện

1. Đập thủy điện Nậm Pông là đập tràn tự do hoàn toàn, không xả lũ qua cửa van.

2. Trước khi vận hành xả bùn, cát hoặc hạ thấp mực nước hồ qua cống xả cát, đơn vị quản lý vận hành phải thông báo cho UBND các xã Hùng Chân, Quỳ Châu, Châu Tiến để phối hợp thực hiện công tác cảnh báo cho khu vực hạ du.

3. Tín hiệu cảnh báo, thời điểm cảnh báo, vị trí cảnh báo.

a) Xả bùn, cát hoặc hạ thấp mực nước hồ qua cống xả cát:

- Tại đập, 30 phút trước khi xả, kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 30 giây;

- Tại đập, kết thúc xả, kéo một hồi còi dài 30 giây.

b) Vận hành phát điện: Tại nhà máy, khi các tổ máy đang ở trạng thái dừng hoàn toàn, 15 phút trước khi phát điện tổ máy đầu tiên, kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 30 giây.

Điều 10. Vận hành hồ chứa thủy điện đảm bảo quy định về dòng chảy tối thiểu

1. Việc vận hành công trình phải đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu thường xuyên, liên tục sau đập thủy điện Nậm Pông với lưu lượng đảm bảo theo Giấy phép khai thác nước mặt đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc vận hành xả bảo đảm dòng chảy tối thiểu được thực hiện thông qua cống xả cát hoặc qua tràn tự do.

Chương II

VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 11. Quy định mức nước trước lũ, đón lũ

Trong điều kiện thiết bị, công trình vận hành bình thường, khi chưa có lũ, mực nước hồ chứa thủy điện Nậm Pông không được vượt quá mực nước dâng bình thường ở cao trình 258 m.

Điều 12. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa lũ

Nguyên tắc cơ bản: Duy trì mực nước hồ không vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 258 m bằng chế độ xả nước qua các tổ máy phát điện, tự tràn qua tràn tự do khi mực nước hồ lớn hơn cao trình 258 m.

Điều 13. Vận hành hồ chứa tham gia cắt/giảm lũ cho hạ du, phát điện

1. Trong mọi trường hợp vận hành bình thường từ thời điểm lũ vào hồ đến khi đạt đỉnh, tổng lưu lượng xả qua các tổ máy phát điện và đập tràn tự do không được lớn hơn lưu lượng tự nhiên vào hồ.

2. Lưu lượng lũ vào hồ phải được ưu tiên sử dụng để phát điện với công suất tối đa có thể của nhà máy thủy điện theo khả năng đáp ứng thực tế của công trình, thiết bị và lưới điện truyền tải; phần lưu lượng còn lại tự xả qua đập tràn tự do khi mực nước hồ vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 258 m.

3. Sau đỉnh lũ, khi mực nước hồ giảm dần và đạt đến mực nước dâng bình thường 258 m, tiến hành điều chỉnh lưu lượng xả qua nhà máy thủy điện theo chế độ điều tiết ngày đêm.

Điều 14. Vận hành hồ chứa đảm bảo an toàn công trình

Trường hợp đập hoặc các thiết bị của công trình bị hư hỏng hoặc sự cố ảnh hưởng đến việc vận hành an toàn công trình, bắt buộc phải tháo nước để hạ thấp mực nước hồ, Chủ sở hữu công trình phải lập phương án và kế hoạch tháo nước cụ thể để đảm bảo không chế tốc độ hạ thấp mực nước sao cho không gây mất an toàn đập, các công trình ở tuyến đầu mối và hạ du.

Điều 15. Tích nước cuối mùa lũ

Hồ thủy điện Nậm Pông là hồ điều tiết ngày đêm, việc tích nước cuối mùa lũ phải đảm bảo mực nước hồ không vượt quá mực nước dâng bình thường 258 m.

Chương III

VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA KIẾT

Điều 16. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa kiệt

Vận hành duy trì dòng chảy tối thiểu thường xuyên theo Điều 10 được nêu trong Quy trình này.

Điều 17. Vận hành phát điện, xả nước trong mùa kiệt

1. Nguyên tắc chung: Tuân thủ phương thức và lệnh điều độ của cấp điều độ có quyền điều khiển đối với nhà máy thủy điện Nậm Pông.

2. Trong trường hợp vận hành mà mực nước hồ vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 258 m, ưu tiên phát điện với công suất tối đa có thể của nhà máy thủy điện theo khả năng đáp ứng thực tế của công trình, thiết bị và lưới điện truyền tải; phần lưu lượng còn lại tự xả qua đập tràn tự do.

3. Khi mực nước hồ nằm trong khoảng từ cao trình mực nước chết 256 m đến cao trình mực nước dâng bình thường 258 m:

a) Theo tuần, nếu tổng lượng nước vào hồ $\geq$ tổng lượng xả tính toán (gồm xả phát điện giờ cao điểm theo lưu lượng thiết kế và duy trì dòng chảy tối thiểu) thì vận hành phát điện giờ cao điểm với công suất tối đa của nhà máy điện theo khả năng đáp ứng của công trình, thiết bị và lưới điện truyền tải; lượng nước còn lại (nếu có) dùng phát điện ngoài giờ cao điểm.

b) Theo tuần, nếu tổng lượng nước vào hồ $<$ tổng lượng xả tính toán (gồm xả phát điện giờ cao điểm theo lưu lượng thiết kế và duy trì dòng chảy tối thiểu) thì ưu tiên vận hành phát điện giờ cao điểm.

c) Khi mực nước hồ đang ở cao trình mực nước chết mà lưu lượng về hồ nhỏ hơn lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tổ máy, nhà máy dùng phát điện.

Điều 18. Vận hành đảm bảo mực nước trong mùa kiệt

1. Nguyên tắc chung: Tuân thủ phương thức điều độ của cơ quan điều độ có quyền điều khiển.

2. Đảm bảo nước cho sản xuất và sinh hoạt người dân vùng hạ du.

Điều 19. Vận hành điều tiết lũ trong mùa kiệt

Khi xuất hiện các tình huống mưa lũ bất thường trong mùa kiệt, thực hiện chế độ vận hành hồ chứa trong mùa lũ được quy định tại Chương II Quy trình này.

Chương IV

CÁC TRƯỜNG HỢP VẬN HÀNH KHÁC

Điều 20. Vận hành hồ chứa khi khu vực hạ du có yêu cầu bất thường về nước

Khi lưu vực hạ du của hồ chứa thủy điện Nậm Pông có nhu cầu lượng nước xả khác với quy định tại Quy trình này thì cơ quan có nhu cầu sử dụng nước có ý kiến bằng văn bản trình UBND tỉnh Nghệ An xem xét chỉ đạo Chủ sở hữu công trình ưu tiên cấp nước cho hạ du. Sau khi thống nhất về lưu lượng, kế hoạch thời gian xả nước với các cơ quan, đơn vị nêu trên. Đơn vị quản lý vận hành công trình thông thông báo ngay cho cấp điều độ có quyền điều khiển để phối hợp, bố trí kế hoạch huy động nhà máy thủy điện Nậm Pông phát điện đảm bảo tối ưu hiệu quả sử dụng nước, đồng thời tổ chức thực hiện và báo cáo UBND tỉnh Nghệ An để theo dõi, chỉ đạo.

Điều 21. Vận hành hồ chứa khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố tai biến môi trường

Trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố tai biến môi trường nghiêm trọng khác trên lưu vực sông, Chủ sở hữu công trình phải tuân thủ theo quy định của Luật tài nguyên nước.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 22. Nguyên tắc chung về trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình

1. Trước mùa mưa lũ hàng năm, Chủ sở hữu công trình tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn công trình, hồ chứa thủy điện; thực hiện các biện pháp chủ động phòng, chống, xử lý kịp thời các hư hỏng để bảo đảm an toàn công trình, hồ chứa thủy điện. Báo cáo kết quả đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện gửi về UBND tỉnh Nghệ An và Sở Công Thương tỉnh Nghệ An để theo dõi, quản lý theo quy định.

2. Trường hợp có sự cố công trình và trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước ngày 01 tháng 7, chủ sở hữu công trình phải có biện pháp xử lý phù hợp kịp thời và báo cáo với UBND tỉnh Nghệ An, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An, Sở Công Thương tỉnh Nghệ An để theo dõi, chỉ đạo và thông báo cho Ủy ban nhân dân xã Hùng Chân, xã Quỳnh Châu, xã Châu Tiến để kịp thời phối hợp, có ứng xử cần thiết.

Điều 23. Trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức quản lý vận hành công trình thủy điện: Giám đốc nhà máy thủy điện Nậm Pông.

1. Chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống thiên tai cho công trình và hạ du, cụ thể:

- a) Theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng, thủy văn;
- b) Tổ chức, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết.

2. Định kỳ, rà soát, điều chỉnh, bổ sung Phương án ứng phó thiên tai; Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa; Phương án bảo vệ đập, hồ chứa; Quy trình vận hành hồ chứa, phối hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phối hợp với chính quyền địa phương thỏa thuận, lắp đặt thiết bị cảnh báo vận hành phát điện, xả lũ theo quy định; đồng thời phối hợp tuyên truyền cho người dân vùng hạ du biết để phòng tránh.

4. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thiết bị, công trình. Cụ thể như sau:

- a) Tình trạng làm việc của các công trình thủy công và hồ chứa;
- b) Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chính, thiết bị phụ và công trình liên quan đến công tác vận hành chống lũ;
- c) Các thiết bị, bộ phận công trình liên quan tới đảm bảo vận hành an toàn các tổ máy phát điện;
- d) Các nguồn cung cấp điện (kể cả nguồn điện dự phòng);
- đ) Thông tin liên lạc;
- e) Nguồn vật tư thiết bị dự phòng.

5. Sau mỗi trận lũ và mùa lũ, phải tổ chức, tiến hành ngay các công tác sau:
 - a) Kiểm tra tình trạng ổn định, an toàn của công trình, thiết bị bao gồm cả ảnh hưởng xói lở ở hạ lưu đập tràn;
 - b) Đề xuất xử lý hư hỏng công trình, thiết bị ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước.
6. Thực hiện quan trắc, tính toán khí tượng thủy văn và cung cấp số liệu cho các bên liên quan theo Điều 7 Quy trình này.

Điều 24. Trách nhiệm của người đứng đầu chủ sở công trình thủy điện Nậm Pông: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Za Hung

1. Trong trường hợp xảy ra những tình huống bất thường hoặc sự cố nghiêm trọng, chỉ đạo triển khai ngay các biện pháp ứng phó phù hợp, kịp thời; báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An, Sở Công Thương tỉnh Nghệ An để theo dõi, chỉ đạo; đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Châu, Ủy ban nhân dân xã Hùng Chân, Ủy ban nhân dân xã Châu Tiến để kịp thời phối hợp, có ứng phó cần thiết.

2. Sau mùa lũ hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An, Sở Công Thương tỉnh Nghệ An, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An về việc thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Nậm Pông.

3. Thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai (sau đây viết tắt là BCH PCTT) công trình thủy điện Nậm Pông. Cơ cấu thành phần của BCH PCTT công trình thủy điện Nậm Pông tối thiểu như sau:

- a) Trưởng ban: Chỉ đạo và chịu trách nhiệm chung;
- b) Phó Trưởng ban: Thay Trưởng ban khi Trưởng ban vắng mặt;
- c) Các ủy viên phụ trách kỹ thuật, vận hành, sửa chữa và hành chính.

4. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện gửi về UBND tỉnh Nghệ An và Sở Công Thương tỉnh Nghệ An để theo dõi, quản lý theo quy định.

5. Sau mỗi trận lũ và mùa lũ, báo cáo diễn biến, công tác ứng phó khắc phục theo quy định.

6. Tổ chức kiểm định đập định kỳ theo quy định.

7. Đảm bảo kinh phí, tổ chức lắp đặt thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn, giám sát tài nguyên nước, camera và các thiết bị giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ chứa; đồng thời kết nối, truyền dữ liệu về UBND tỉnh Nghệ An, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An và các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND các xã

1. Khi nhận được báo cáo việc vận hành mở cửa van xả cát hồ chứa thủy điện Nậm Pông phải đồng thời triển khai các công tác sau:

a) Thông báo ngay đến người dân ở hạ du bị ảnh hưởng, các tổ chức, đơn vị liên quan trong địa bàn các xã Hùng Chân, Quý Châu, Châu Tiến, đồng thời chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tác hại do việc vận hành mở cửa van xả cát của công trình gây ra;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của xã;

c) Có trách nhiệm tham gia ứng cứu, bảo vệ an toàn công trình khi có sự cố xảy ra.

2. Phối hợp kiểm tra, giám sát Công ty Cổ phần Tập đoàn Za Hưng thực hiện các quy định trong Quy trình này.

3. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh Nghệ An, Sở Công thương tỉnh Nghệ An trong trường hợp phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này. Kiến nghị, đề xuất gửi Sở Công thương Nghệ An tổng hợp, trình UBND tỉnh Nghệ An để kịp thời điều chỉnh các nội dung bất cập, không còn phù hợp trong Quy trình này.

4. Theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình khí tượng thủy văn, tình hình vận hành hồ chứa thủy điện Nậm Pông để thông báo, cảnh báo đến các cấp chính quyền, người dân biết nhằm chủ động phòng tránh, ứng phó giảm thiểu thiệt hại.

5. Rà soát, hoàn thiện, bổ sung quy chế phối hợp phòng chống thiên tai trong khu vực hạ du nhà máy thủy điện Nậm Pông; hệ thống cảnh báo vận hành xả lũ, vận hành phát điện để tăng cường việc cảnh báo đảm bảo an toàn cho hạ du đập, hồ chứa thủy điện theo quy định, đảm bảo cảnh báo kịp thời đến chính quyền, người dân khu vực chịu ảnh hưởng trong các tình huống khẩn cấp.

6. Quản lý nhà nước về đất đai và các hoạt động trong phạm vi công trình thủy điện; quản lý, giám sát các hoạt động trên hồ chứa, bảo đảm thực hiện đúng quy định và không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ đầu tư trong khai thác, sử dụng nước mặt.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Công Thương tỉnh Nghệ An

1. Kiểm tra, theo dõi Công ty Cổ phần Tập đoàn Za Hưng thực hiện các quy định trong Quy trình này.

2. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh Nghệ An trong trường hợp phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

3. Định kỳ 5 năm, trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Nậm Pông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Za Hưng gửi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An

Giám sát việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước của Công ty Cổ phần Tập đoàn Za Hưng theo quy định của Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

Điều 28. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An

1. Chỉ đạo công tác phòng chống thiên tai và xử lý các tình huống bất thường ảnh hưởng đến an toàn hạ du công trình thủy điện Nậm Pông gây ra.
2. Chỉ đạo Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự của UBND các xã Quỳnh Châu, Hùng Chân, Châu Tiến tổ chức phối hợp với Công ty Cổ phần Tập đoàn Za Hưng trong công tác phòng chống thiên tai và vận hành công trình thủy điện Nậm Pông.
3. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh Nghệ An khi phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

1. Chỉ đạo các cơ quan liên quan trong địa bàn tỉnh phối hợp với Công ty Cổ phần Tập đoàn Za Hưng thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này.
2. Xem xét phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nội dung Quy trình vận hành này cho phù hợp thực tế.

Điều 30. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác vận hành, khai thác, sử dụng hồ chứa thủy điện Nậm Pông có trách nhiệm phối hợp cùng đơn vị quản lý khai thác hồ chứa thủy điện thực hiện tốt Quy trình này. Các trường hợp cố tình ngăn cản, hủy hoại công trình gây hậu quả nghiêm trọng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Nậm Pông từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Za Hưng sang một đơn vị khác, các quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của Công ty và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Za Hưng trong Quy trình này sẽ được quy định cho đơn vị và thủ trưởng đơn vị được chuyển giao.
3. Tất cả các văn bản, hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Nậm Pông đều phải giao nộp 01 bộ cho Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Sở Công Thương tỉnh Nghệ An để thống nhất theo dõi, chỉ đạo.

Điều 31. Trách nhiệm thực hiện và trong trường hợp sửa đổi, bổ sung quy trình vận hành hồ chứa thủy điện

1. Trường hợp Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Nậm Pông sau 5 năm thực hiện còn phù hợp, thì chủ sở hữu công trình có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh Nghệ An đề nghị tiếp tục được sử dụng Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Nậm Pông.

2. Trường hợp sau 5 năm, Quy trình không còn phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, Công ty Cổ Tập đoàn Za Hung có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. *lk*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ZA HUNG



Hoàng Văn Bình

CHƯƠNG VI

CÁC PHỤ LỤC

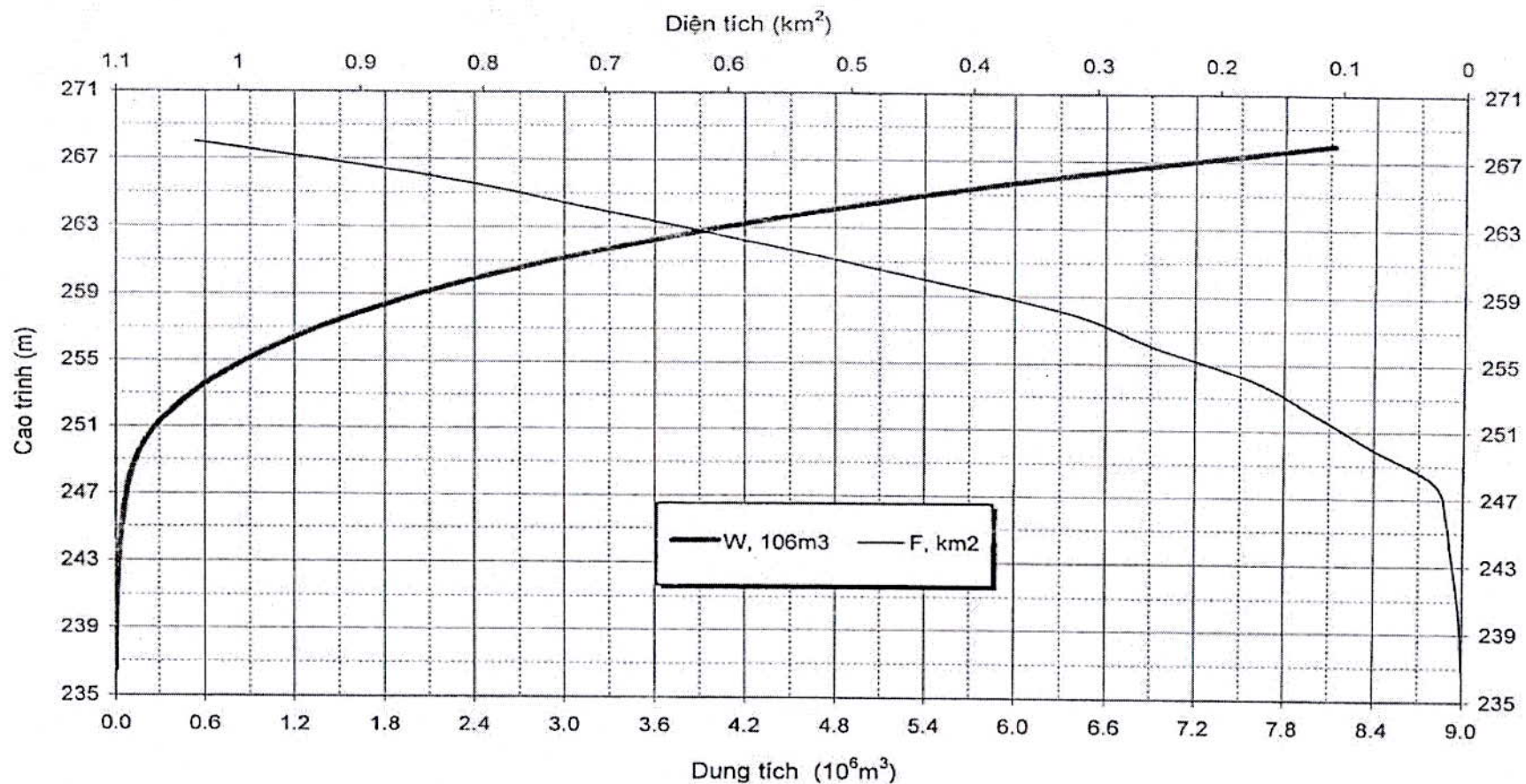
1. Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật chính của công trình.

STT	Thông số	Đơn vị	Số lượng
1.1	Thông số hồ chứa		
-	Diện tích lưu vực F_{lv}	Km ²	354
-	Lượng mưa trung bình nhiều năm X_0	mm	1720
-	Dòng chảy trung bình năm Q_0	m ³ /s	12,15
-	Tổng lượng dòng chảy năm W_0	10 ⁶ m ³	383,16
-	Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra $P = 0,2\%$	m ³ /s	2960
-	Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế $P = 1\%$	m ³ /s	2198
-	Mực nước lũ kiểm tra ($P_{0,2\%}$) MNLKT	m	266,15
-	Mực nước lũ thiết kế ($P_{1\%}$) MNLTk	m	264,76
-	Mực nước dâng bình thường MNDBT	m	258
-	Mực nước chết MNC	m	256
-	Dung tích toàn bộ W_{tb}	10 ³ m ³	1670
-	Dung tích hữu ích W_{hi}	10 ³ m ³	570
-	Dung tích chết W_c	10 ³ m ³	1100
1.2	Đập dâng chính		
-	Loại		Bê tông trọng lực
-	Cao trình đỉnh đập	m	267,1
-	Chiều rộng đỉnh đập	m	5
-	Chiều cao lớn nhất	m	27,1
-	Chiều dài theo đỉnh	m	156,7
-	Độ dốc mái thượng lưu		1 : 0
-	Độ dốc mái hạ lưu		1 : 0,75
1.3	Công trình xả		
-	Tràn xả mặt không có cửa van		Thực dụng
-	Cao độ ngưỡng tràn	m	258

STT	Thông số	Đơn vị	Số lượng
-	Bề rộng tràn	m	60
-	Cao độ mũi phun	m	145
-	Khả năng xả khi MNLKT ($P = 0,2\%$)	m^3/s	2960
-	Khả năng xả khi MNLTk ($P = 1\%$)	m^3/s	2198
1.4	Cửa lấy nước		
-	Kiểu		Tháp
-	Số lượng khoang		1
-	Cao độ ngưỡng cửa lấy nước	m	249,5
-	Kích thước lưới chắn rác (BxH)	m	4,8x5,4
-	Kiểu van vận hành, sự cố		Phẳng- bánh xe
-	Kích thước van vận hành(BxH)	m	3,0x3,4
1.5	Đường hầm		
-	Kiểu		Có áo – không áo
-	Số đường hầm		01
-	Chiều dài toàn bộ hầm (kể cả lót cốt thép)	m	4465,3
-	Đường kính trong hầm không áo	m	4
-	Chiều cao tháp	m	65,26
-	Cao trình tim hầm tại CLN	m	251,2
-	Cao trình tim hầm tại đầu đường ống AL hở	m	215,8
1.6	Đường ống áp lực hở		
-	Số đường ống		1
-	Chiều dài đường ống	m	298,05
-	Đường kính trong ống D_0	m	2,4 ÷ 2,6
-	Chiều dày thành ống δ	mm	10 ÷ 20
-	Cao trình tim ống tại cuối đường hầm	m	215,8
-	Cao trình tim ống tại cửa vào tuabin	m	83,7
1.7	Nhà máy thủy điện		
-	Lưu lượng phát điện thiết kế Q_{tk}	m^3/s	21,5

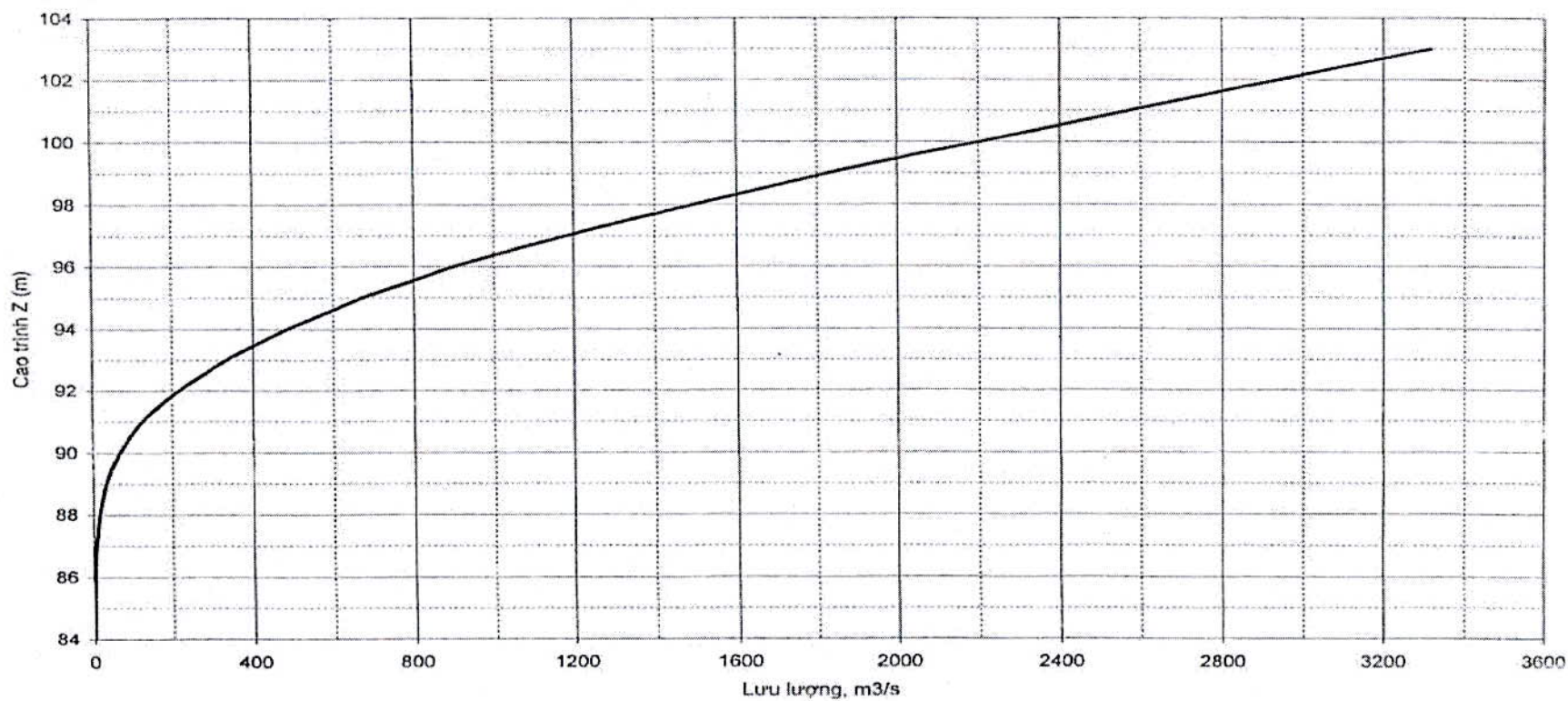
STT	Thông số	Đơn vị	Số lượng
-	Cột nước tính toán H_{tt}	m	157
-	Công suất đảm bảo N_{db}	MW	5,53
-	Công suất lắp máy N_{lm}	MW	30
-	Số tổ máy	Tổ	2
-	Cao trình lắp máy	m	83,2
-	Cao trình sàn lắp ráp	m	100
-	Kiểu tuabin		Francis
1.8	Kênh xả hạ lưu nhà máy		
-	Chiều dài theo tim	m	30,38
-	Chiều rộng đáy	m	10
-	Cao độ đáy	m	86,7

2. Phụ lục 2: Số liệu và biểu đồ đặc trưng quan hệ hồ chứa (Quan hệ W-F-Z).



Z(m)	236,5	238	240	242	244	246	248	250	252	254	256	258	260	262	264	266	268
F(km ²)	0,000	0,002	0,003	0,006	0,011	0,015	0,024	0,075	0,121	0,172	0,253	0,323	0,442	0,569	0,702	0,842	1,035
W(10 ⁶ m ³)	0,000	0,001	0,005	0,014	0,031	0,057	0,095	0,190	0,384	0,676	1,099	1,673	2,435	3,443	4,713	6,254	8,127

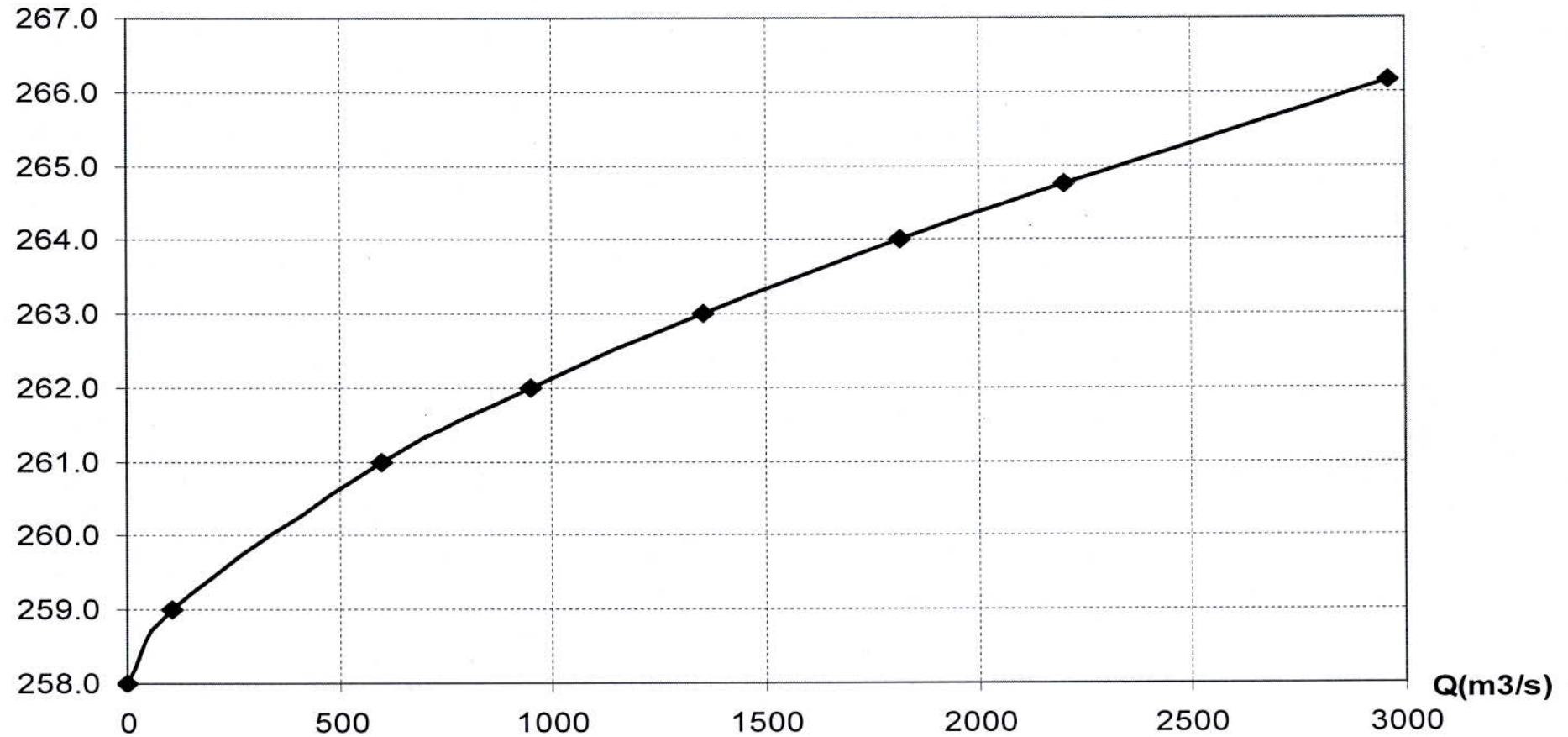
3. Phụ lục 3: Số liệu và biểu đồ quan hệ lưu lượng – mực nước hạ lưu đập.



Q(m³/s)	0,00	0,22	0,82	1,87	3,25	6,52	11,06	16,53	23,75	34,07	48,42	69,07	95,03	128,03
Z(m)	83,44	85,00	85,50	86,00	86,50	87,00	87,50	88,00	88,50	89,00	89,50	90,00	90,50	91,00
Q(m³/s)	95,03	128,03	168,10	216,26	275,01	333,39	408,16	485,20	578,16	672,27	785,49	900,29	1035,31	1180,00
Z(m)	90,50	91,00	91,50	92,00	92,50	93,00	93,50	94,00	94,50	95,00	95,48	96,00	96,50	97,00
Q(m³/s)	1035,31	1180,00	1332,44	1493,39	1661,0	1825,4	2010,2	2200,93	2388,7	2570,48	2757,7	2938,73	3124,6	3316,69
Z(m)	96,50	97,00	97,50	98,00	98,5	99	99,5	100	100,5	101	101,51	102	102,5	103

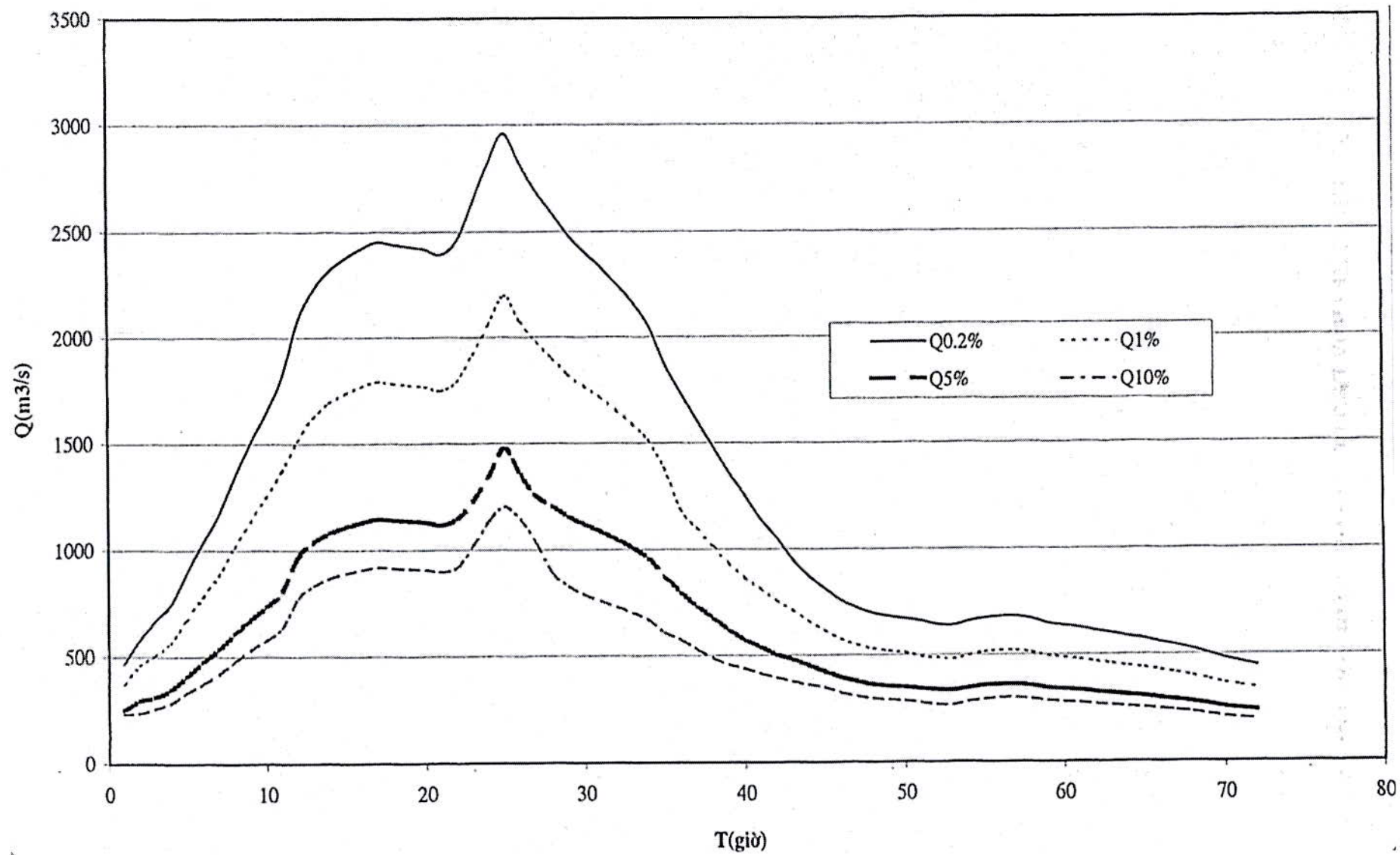
4. Phụ lục 4: Số liệu và biểu đồ quan hệ mực nước hồ chứa – lưu lượng xả qua tràn.

MNT (m)



Q (m3/s)	0.00	106.19	599.22	949.58	1356.07	1817.08	2203.22	2960.00
Z(m)	258.00	259.00	261.00	262.00	263.00	264.00	264.76	266.15

5. Phụ lục 5: Biểu đồ tần suất lũ thiết kế.



6. Phụ lục 6: Biểu đồ điều phối vận hành hồ chứa thủy điện Nậm Pông (theo tháng).

